TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiểu

Ông Nguyễn Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long(có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long(có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh(xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chồng tôi tên Nguyễn Văn S1 dựng hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vngày 20/8/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại nhà của cha mẹ anh S2 ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh LongThời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau. Đến cuối tháng 7/2023 thì tôi về nhà của chị tôi Nguyễn Thị Q tôi Nguyễn Văn N1 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinhở cho đến nay. Việc vợ chồng mâu thuẩn dẫn đến ly hôn tại Tòa án thì gia đình hai bên đều biết và có động viên chúng tôi đoàn tụ nhưng tôi không đồng ý.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S

- Về con chung: Tôi và anh S3 01 con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 03/12/2011, hiện con đang sống cùng tôi tại nhà của chị tôi Nguyễn Thị QKhi vợ chồng ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Scấp d nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn S4 bày:*

Trình bày của chị Nguyễn Thị K2 quá trình tạo lập hôn nhân, về con chung là đúng. Hiện nay con chung đang học lớp 7 tại Trường Trung học cơ sở V mâu thuẩn vợ chồng thì tôi thừa nhận trong đời sống vợ chồng tôi và chị K3 cự cãi nhưng không nhiều, mâu thuẩn không lớn, tôi là người chủ động làm hòa khi vợ chồng có cự cãi. Tôi thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 7/2023 cho đến nay, tôi ở nhà, còn chị K2 nhà chị Q1 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinhở. Việc vợ chồng mâu thuẩn dẫn đến ly hôn tại Tòa án thì gia đình hai bên đều biết và có động viên chúng tôi đoàn tụ nhưng chị K4 đồng ý. Hiện nay con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 03/12/2011 đang sống cùng chị K5 nhà của chị Q2 tuần tôi có chở cháu về nhà tôi chơi.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của chị K6 tôi có ý kiến như sau: Tôi còn thương vợ, thương con nên tôi xin được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và lo cho con sau này.

Trường hợp chị K7 giữ yêu cầu ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì tôi có ý kiến như sau:

Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 03/12/2011, tôi không yêu cầu chị K8 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị K không đồng ý đoàn tụ theo yêu cầu của anh S; giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S5 yêu cầu được nuôi con chung.

- Anh Nguyễn Văn S xin được đoàn tụ. Anh S6 nhận trong đời sống vợ chồng anh S3 đánh chị K9 chồng đã sống ly thân khoảng 3 tháng nay. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K6 anh S7 ý giao con chung cho chị K10 dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu con muốn sống cùng anh S8 chị K8 tôn trọng ý kiến của con và giao con chung cho anh nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị K11 anh Nguyễn Văn S9 khai vợ chồng có một số tài sản chung là nhà đất hiện nay anh S10 ở, vàng nhưng không biết số lượng cụ thể. Ngoài ra anh S9 khai vợ chồng còn nợ của chị anh S11 tiền mua vật liệu xây dựng khi là nhà khoảng 250.000.000đ. Chị K11 anh S12 cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong cùng vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị K được ly hôn với anh S; về con chung: Giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh S13 phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị K phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn S; anh S có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long Do đó, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người làm chứng Nguyễn Văn N2 có lời khai và xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N

[1.3] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K11 anh Nguyễn Văn S14 yêu cầu bổ sung là yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu bổ sung của chị Kanh S15 vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; mục 7 phần II của Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu của chị K12 S

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn S xây dựng hôn nhân từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Longvào ngày 20/8/2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91/2014, quyển số 01/2014 nên hôn nhân giữa chị K và anh S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị K cho rằng trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh S16 lần đánh chị, vợ chồng đã sống ly thân nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh S; Anh S không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K và xin được đoàn tụ nhưng không được chị K13 ý; anh S thừa nhận trong đời sống hôn nhân thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn, anh S có đánh chị K, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 7/2023 cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 15/11/2023 đối với anh Nguyễn Văn N(anh N3 em ruột của chị K), anh N4: Giữa chị K11 anh S14 mâu thuẩn gì để dẫn đến việc chị K14 đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh N5 biết, chỉ khi chị K2 sống tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì anh N6 nghe chị K15 là trong quá trình chung sống anh S14 hành động đánh chị K16 lần nên chị K17 làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hiện tại cháu K1đang sống cùng chị K18 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinhthỉnh thoảng anh S14 về thăm cháu.

Xét thấy, trong đời sống hôn nhân giữa chị K và anh S là có xảy ra mâu thuẩn, tình cảm vợ chồng không còn, chị K11 anh S đã sống ly thân, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị K yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn S thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 03/12/2011. Chị K19 cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Scấp d nuôi con. Xét thấy, tại phiên tòa anh S7 ý giao con chung cho chị K20 tục chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu của chị K21 hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh K22 nêu tại bản khai ý kiến ngày 29/8/2023. Do đó, chị K19 cầu được nuôi con chung là có

căn cứ nên được chấp nhận. Giao con chung tên Nguyễn Minh K1cho chị K20 tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S13 phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật là 300.000đ.

[2.5] Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K11 anh Nguyễn Văn S14 01 con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 03/12/2011. Giao con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 03/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Ktiếp t chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004351 ngày 25/9/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn
(Giấy CNKH số 91/2014, ngày 20/8/2014)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THÀNH LUÂN